

Bản án số: 129/2020/DS-ST.

Ngày: 09-11-2020.

"V/v tranh chấp Hợp đồng
bảo hiểm".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Phụng.

Bà Huỳnh Thị Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Quyên, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2016/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 71/A9, đường Nguyễn H, Phường A, thành phố VL, tỉnh Vinh Long; người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hồ N, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 44/7, đường NH, Phường A, thành phố VL, tỉnh Vinh Long (Có mặt).

- *Bị đơn:* Tổng Công ty Bảo hiểm BV; trụ sở: Số 35, đường HBT, quận HK, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Kim B; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên; người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Thành Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: Số H30, Khóm 3, Phường B, thành phố VL, tỉnh Vinh Long (Có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1) Ông Trương Thành Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: Số H30, Khóm 3, Phường B, thành phố VL, tỉnh Vinh Long (Có mặt).

2) Ngân hàng NN và PTNT VN; trụ sở: Số 2, LH, phường TC, quận BD, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th; chức vụ: Tổng Giám đốc (Vắng mặt).

3) Ông Lê Trung Đ1, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 71/A9, đường NH, Phường A, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 19/9/2016 bà Nguyễn Thị L trình bày như sau:

Bà L là chủ sở hữu xe ô tô hiệu Toyota Innova biển kiểm soát 64A-017.97 được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh VL cấp giấy chứng nhận đăng ký xe số 001062 vào ngày 16/12/2014. Để bảo vệ tài sản, vào ngày 15/12/2015 ông Đ1 là chồng bà L có mua bảo hiểm với số tiền là 17.915.400 đồng bao gồm bảo hiểm trách nhiệm dân sự số tiền là 873.400 đồng (hiệu lực 01 năm từ 07 giờ ngày 15/12/2015 đến 07 giờ ngày 15/12/2016), trường hợp xảy ra thiệt hại thì mức bồi thường đối với tài sản là 70.000.000 đồng/vụ, đối với người là 70.000.000 đồng/người/vụ; bảo hiểm vật chất thân xe số tiền là 16.802.000 đồng (hiệu lực 02 năm từ 07 giờ ngày 15/12/2015 đến 07 giờ ngày 15/12/2017), trường hợp xảy ra thiệt hại thì giá trị bảo hiểm tối đa là 620.000.000 đồng, sửa chữa thay thế chính hãng và bảo hiểm tai nạn lái phụ xe số tiền là 240.000 đồng (hiệu lực 01 năm từ 07 giờ ngày 15/12/2015 đến 07 giờ ngày 15/12/2016), trường hợp xảy ra thiệt hại mức bồi thường là 30.000.000 đồng/người/vụ. Vào ngày 08/02/2016, xe ô tô trên bị tai nạn tại tỉnh BT bị hư hỏng nghiêm trọng vì vậy ông Đ1 có liên hệ Công ty BV BT để tiến hành làm các thủ tục để yêu cầu bồi thường và đã đưa xe đến Công ty TNHH Toyota CT để kiểm tra, sửa chữa với chi phí là 346.388.756 đồng, đã chi trả cho Công ty TNHH Toyota CT số tiền sửa chữa và cung cấp hóa đơn để yêu cầu bồi thường nhưng không được giải quyết vì cho rằng ông Đ1 chưa đóng phí bảo hiểm lần thứ hai. Do phí bảo hiểm đã đóng đầy đủ cho ông Đ vì vậy bà L yêu cầu Tổng Công ty Bảo hiểm BV phải bồi thường số tiền là 346.388.756 đồng.

Tại phiên tòa, ông N là người đại diện theo ủy quyền của bà L vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và không bổ sung hay yêu cầu gì khác.

- Ông Trương Thành Đ là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Tổng Công ty Bảo hiểm BV và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:

Công ty Bảo Việt VLg là thành viên của Tổng Công ty Bảo hiểm BV. Vào ngày 15/12/2015, ông Lê Trung Đ1 có Giấy yêu cầu bảo hiểm đề yêu cầu Công ty Bảo Việt VL bảo hiểm đối với xe ô tô hiệu Toyota Innova biển kiểm soát 64A-017.97. Sau khi xem xét và thỏa thuận, ông Đ1 và Công ty Bảo Việt VL thuộc Tổng Công ty Bảo hiểm BV ký kết Hợp đồng bảo hiểm ô tô số VLO.D07.OT.15.HD124 để bảo hiểm đối với chiếc xe ô tô trên, hai bên thỏa thuận về đối tượng bảo hiểm; loại bảo hiểm tham gia; thời gian bảo hiểm đối với từng loại bảo hiểm; số tiền bảo hiểm; hình thức, thời hạn thanh toán tiền bảo hiểm và hiệu lực bảo hiểm. Trong đó, ông Đ1 thỏa thuận thanh toán phí bảo hiểm thành 02 đợt, đợt 1: Vào ngày 15/12/2015 (ngày tham gia bảo hiểm) ông Đ1 thanh toán số tiền bảo hiểm là 2.915.400 đồng; đợt 2: Ngày 25/01/2016, ông Đ1 phải thanh toán số tiền còn lại là 15.000.000 đồng. Sau khi ông Đ1 đóng phí đầu tiên Công ty Bảo Việt VL đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 001559056 bảo hiểm đối với xe ô tô hiệu Toyota Innova biển kiểm soát 64A-017.97 cho chủ xe là bà Nguyễn Thị L. Đến ngày 08/02/2016, xe ô tô biển kiểm soát 64A-017.97 xảy ra tai nạn nên có thông báo với Công ty Bảo Việt BT để tiến hành thực hiện các thủ tục xác minh tuy nhiên ông Đ1 không báo với cơ quan công an địa phương để lập biên bản hiện trường. Sau khi Công ty Bảo Việt BT tiến hành điều tra, xác minh và gửi yêu cầu của bà L về Công ty Bảo Việt VL, tuy nhiên qua đối chiếu với hồ sơ thể hiện khi đến kỳ thanh toán tiền bảo hiểm lần 2 ngày 25/01/2016 ông Đ1 không đóng phí bảo hiểm và cũng không có văn bản thỏa thuận với Công ty Bảo Việt VL để gia hạn thời gian đóng phí bảo hiểm vì vậy hợp đồng bảo hiểm đối với xe ô tô trên đã chấm dứt hiệu lực từ ngày 26/01/2016 do đó Công ty Bảo Việt VL đã từ chối bảo hiểm theo yêu cầu của bà L. Nay Tổng Công ty Bảo hiểm BV chỉ đồng ý chi trả số tiền bảo hiểm trên số tiền đã đóng phí bảo hiểm là 10,72% là 37.132.800 đồng ($346.388.756 \times 10,72\% = 37.132.800$ đồng) và chi phí cầu kéo là 1.415.040 đồng ($13.200.000 \text{ đồng} \times 10,72\% = 1.415.040$ đồng), tổng cộng là 38.547.840 đồng.

Tại phiên tòa, ông Đ vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và không bổ sung hay yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Trung Đ1 trình bày:

Ông Đ1 là chồng của bà L, ông Đ1 thống nhất với lời trình bày của ông N là người đại diện theo ủy quyền của bà L đã trình bày đối với Hợp đồng bảo hiểm ô tô số VLO.D07.OT.15.HD124 để bảo hiểm đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 64A-017.97. Theo hợp đồng bảo hiểm, ông Đ1 thỏa thuận đóng phí 02

đợt: Đợt 1 vào ngày 15/12/2015 (ngày tham gia bảo hiểm) ông Đ1 đóng số tiền là 2.915.400 đồng và đợt 2 ngày 25/01/2016, ông Đ1 đã đóng số tiền còn lại là 15.000.000 đồng, các lần đóng tiền phí bảo hiểm là ông Đ1 đóng trực tiếp cho ông Đ nhưng không có lấy hóa đơn, chứng từ để chứng minh đã đóng tiền bảo hiểm vì nghĩ đã được cấp giấy chứng nhận bảo hiểm xem như ông đã đóng tiền phí bảo hiểm đầy đủ. Ngày 08/02/2016 khi đang trên đường đi BT đã xảy ra tai nạn bị hư hỏng nặng, sau khi xảy ra tai nạn tài xế không có báo với công an giao thông để lập biên bản hiện trường mà điện thoại báo tổng đài của Công ty bảo hiểm, sau đó nhân viên của Công ty Bảo việt BT đã đến hiện trường lập các biên bản xác minh và gửi yêu cầu bảo hiểm về Công ty Bảo việt VL. Sau khi đem xe đến Công ty TNHH Toyota CT để kiểm tra, sửa chữa với chi phí là 346.388.756 đồng, ông đã cung cấp hóa đơn sửa chữa cho Công ty Bảo việt VL tuy nhiên Công ty Bảo việt VL không chi trả số tiền bảo hiểm vì vậy ông Đ1 thống nhất với yêu cầu của bà L yêu cầu Tổng Công ty Bảo hiểm BV phải bồi thường cho bà L số tiền là 346.388.756 đồng.

Tại phiên tòa, ông Đ1 vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và không bổ sung hay yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng NN và PTNT VN trình bày:

Vào ngày 15/12/2014, Ngân hàng NN và PTNT VN - Chi nhánh VL - Phòng giao dịch NH và bà Nguyễn Thị L có ký hợp đồng tín dụng số 7300-LAV-201401720 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 199.P2.14/HĐTC/TSHTTVV ngày 15/12/2014 để cho vay số tiền 500.000.000 đồng mục đích để mua xe ô tô hiệu Toyota Innova biển kiểm soát 64A-017.97. Đến ngày 30/11/2018 bà L đã trả tất toán khoản vay trên và nhận lại tài sản thế chấp vì vậy hiện nay bà L không còn nghĩa vụ gì đối với Ngân hàng nên Ngân hàng không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, Ngân hàng NN và PTNT VN được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố VL phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng pháp luật. Thời hạn đưa vụ án ra xét xử là quá thời hạn quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Áp dụng các Điều 572, 573, 579 và Điều 580 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 12, 13, 15 và Điều 28 Luật Kinh doanh Bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010 và Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị y. Buộc Tổng Công ty Bảo hiểm BV phải bồi thường cho bà L số tiền 38.547.840 đồng.

Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Điều 9 của Hợp đồng bảo hiểm ô tô số VLO.D07.OT.15.HD124 ngày 15/12/2015 có thỏa thuận nếu có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện tại Tòa kinh tế Tòa án nhân dân tỉnh VL tuy nhiên thỏa thuận này là trái với quy định tại Điều 35 và Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do đó, căn cứ vào hợp đồng bảo hiểm Công ty Bảo việt VL thuộc Tổng Công ty Bảo hiểm BV có trụ sở chi nhánh và phát sinh tranh chấp tại thành phố VL được Tòa án nhân dân thành phố VL thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, Hợp đồng bảo hiểm ô tô số VLO.D07.OT.15.HD124 ngày 15/12/2015 và thời gian xảy ra sự kiện bảo hiểm ngày 08/02/2016 được xác lập và thực hiện trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực, căn cứ khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 nên được áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định đây là tranh chấp hợp đồng bảo hiểm được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Điều 567 Bộ luật Dân sự 2005.

[3] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng NN và PTNT VN được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng NN và PTNT VN là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét Giấy yêu cầu bảo hiểm ngày 15/12/2015 và Hợp đồng bảo hiểm ô tô số VLO.D07.OT.15.HD124 ngày 15/12/2015 về bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc, bảo hiểm tai nạn lái phụ xe và bảo hiểm vật chất thân xe được ký kết giữa người yêu cầu bảo hiểm ông Lê Trung Đ1 và Công ty Bảo việt VL để yêu cầu bảo hiểm đối với xe ô tô hiệu Toyota Innova biển kiểm soát 64A-017.97 có nội dung và hình thức phù hợp theo quy định tại Điều 12, 13 và Điều 14 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010.

Quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm: Theo Hợp đồng bảo hiểm ô tô số VLO.D07.OT.15.HD124 ngày 15/12/2015 các bên có thỏa thuận chia thành 02 kỳ đóng phí bảo hiểm. Kỳ thứ 1 ngày 15/12/2015 ông Đ1 đã đóng số tiền 2.915.400 đồng (là ngày ký hợp đồng bảo hiểm) vì vậy Công ty Bảo việt VL đã cấp giấy chứng nhận bảo hiểm số 001559056 ngày 15/12/2015, hóa đơn giá trị gia tăng số 0006439 và hóa đơn giá trị gia tăng số 0006440 để xác định việc đóng phí bảo hiểm và Công ty Bảo việt VL đã chấp nhận bảo hiểm đối với xe ô tô hiệu Toyota Innova biển kiểm soát 64A-017.97 theo yêu cầu bảo hiểm của ông Đ1. Đến ngày 25/01/2016 theo thỏa thuận ông Đ1 không thực hiện việc đóng phí bảo hiểm với số tiền 15.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng bảo hiểm ô tô số VLO.D07.OT.15.HD124 ngày 15/12/2015 và điểm a khoản 2 Điều 18 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010. Ngày 08/02/2016 khi trên đường đi BT đã xảy ra tai nạn dẫn đến chiếc xe ô tô biển kiểm soát 64A-017.97 bị hư hỏng nên đã phát sinh sự kiện bảo hiểm tuy nhiên do ông Đ1, chủ xe bà L đã vi phạm thời gian thanh toán phí bảo hiểm lần hai và cũng không có văn bản thỏa thuận ấn định lại thời hạn thanh toán phí bảo hiểm là đã vi phạm thời hạn thanh toán phí bảo hiểm theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng bảo hiểm ô tô số VLO,D07.OT.15.HD124 ngày 15/12/2015 quy định về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm trong đó có quy định *"Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên B không thực hiện việc thanh toán phí bảo hiểm như đã thỏa thuận ở trên thì hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động hủy không còn giá trị. Và sự kiện bảo hiểm xảy ra Bảo Việt VL không chịu trách nhiệm về bồi thường thiệt hại đó"*. Ngoài ra tại điểm 2.4 Điều 2 của Quy tắc bảo hiểm xe ô tô ban hành kèm theo Quyết định số 567/BH BV/QĐ-TGD/2015 ngày 19/3/2015 về việc ban hành quy tắc, biểu phí bảo hiểm xe ô tô quy định: *"Trường hợp bên mua bản hiểm chậm đóng phí bảo hiểm theo thỏa*

thuận và không có yêu cầu BV thỏa thuận ấn định lại thời hạn thanh toán, thì Hợp đồng bảo hiểm đương nhiên chấm dứt hiệu lực cho đến khi bên mua bảo hiểm tiếp tục đóng phí bảo hiểm" do đó Công ty bảo hiểm đã từ chối bảo hiểm do hợp đồng bảo hiểm đã đương nhiên chấm dứt hiệu lực vì vậy Tổng Công ty Bảo hiểm BV chỉ đồng ý bồi thường trên số tiền đã đóng phí bảo hiểm là 10,72% là 37.132.800 đồng ($346.388.756 \times 10,72\% = 37.132.800$ đồng) và chi phí cầu kéo là 1.415.040 đồng ($13.200.000 \text{ đồng} \times 10,72\% = 1.415.040$ đồng), tổng cộng là 38.547.840 đồng vì vậy chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà L là phù hợp theo quy định tại Điều 567, 570, 572 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 12, 13, 14, 17 và khoản 2 Điều 23 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010.

[4.2] Xét ý kiến trình bày của ông N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ1 cho rằng đã đóng phí bảo hiểm lần 2 cho ông Trương Thành Đ: Như đã phân tích trên, đến kỳ thanh toán phí bảo hiểm lần hai ngày 25/01/2016 với số tiền 15.000.000 đồng ông Đ1 hoặc chủ xe bà L không thực hiện việc đóng phí bảo hiểm là đã vi phạm thời gian đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận. Tuy nhiên nhiên ông N ông Đ1 cho rằng có đóng tiền phí bảo hiểm lần thứ hai cho ông Đ nhưng không xác định được đóng vào khoảng thời gian nào, không có hóa đơn hay biên nhận đóng phí bảo hiểm, không có tài liệu chứng cứ để chứng minh, cũng không có ai nhìn thấy hoặc biết việc đóng tiền phí bảo hiểm lần hai theo lời trình bày của ông N, ông Đ1 và cũng không được ông Đ thừa nhận vì vậy không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày này.

[5] Xét quan điểm trình bày của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố VL là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 27 Phép lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 15.392.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.659.000 đồng theo biên lai thu số N₀ 0002174 nộp ngày 05/12/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố VL. Bà L phải nộp tiếp số tiền 6.733.000 đồng mới đủ.

Buộc bị đơn Tổng Công ty Bảo hiểm BV phải chịu 1.927.400 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 567, 570, 572, 579 và Điều 580 Bộ luật Dân sự 2005; khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 12, 13, 14, 17 và khoản 2 Điều 23 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010; khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Buộc Tổng Công ty Bảo hiểm BV phải bồi thường cho bà L số tiền 38.547.840 đồng (Ba mươi tám triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn tám trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 15.392.000 đồng (Mười lăm triệu ba trăm chín mươi hai ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.659.000 đồng (Tám triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu số N₀ 0002174 nộp ngày 05/12/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố VL. Bà L phải nộp tiếp số tiền 6.733.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm ba mươi ba ngàn đồng) mới đủ.

Buộc bị đơn Tổng Công ty Bảo hiểm BV phải chịu 1.927.400 đồng (Một triệu chín trăm hai mươi bảy ngàn bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- Viện Kiểm Sát TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Trường